

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 380/2017/HSPT
Ngày: 08/12/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức.

2. Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 382/2017/HSPT ngày 02/11/2017, đối với bị cáo Nguyễn Quốc H + 05 BC về tội “Trộm cắp tài sản”, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc H + 05 BC đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2017/HSST, ngày 27/9/2017 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quốc H**; Tên gọi khác: T; Sinh ngày 01/9/1985, Tại: Tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Thành N (đã chết) và bà: Mai Thị T, sinh năm: 1959, hiện trú tại: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là: Lê Thị Ánh L, sinh năm: 1984; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012, hiện trú tại: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: 02;

- Ngày 20/11/2012, bị Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, xử phạt 12 tháng tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản (tại bản án số: 290/2012/HSST). Ngày 04/7/2013, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nơi cư trú.

- Ngày 24/9/2014, bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản (tại bản án số: 32/2014/HSST). Ngày 25/11/2014, Toà án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản (tại bản án số: 473/2014/HSPT). Ngày 24/4/2016, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nơi cư trú.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Võ Đức H**; Tên gọi khác: B; Sinh ngày 25/6/1984, tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Số B Nguyễn An N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Võ Xuân T (đã chết) và bà: Võ Thị T, sinh năm: 1952; vợ là: Ngô Thị H, sinh năm: 1995; có 01 con, sinh năm: 2014, hiện đều trú tại: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân:

- Ngày 25/4/2002, bị Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, về tội: Trộm cắp tài sản (tại bản án số: 09/HSST).

- Ngày 20/01/2003, bị Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 30 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với 04 tháng 23 ngày tù mà bị cáo còn phải chấp hành (đã thi hành được 04 tháng 07 ngày, còn 04 tháng 23 ngày) của bản án số: 09/HSST ngày 25/4/2002. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án bị cáo phải chấp hành tổng cộng là: 34 tháng 23 ngày tù (tại bản án số: 01/HSST). Ngày 25/4/2005, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nơi cư trú. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn H**; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990, tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1957 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962, hiện đều trú tại: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: 02;

- Ngày 10/02/2009, bị Toà án nhân dân tỉnh Đ, xử phạt 05 năm tù về tội: Cố ý gây thương tích (tại bản án số: 09/HSST). Ngày 17/9/2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đ, xét xử phúc thẩm, xử phạt 05 năm tù, về tội: Cố ý gây thương tích (tại bản án số: 460/2009/HSPT). Ngày 17/7/2013, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xóa án.

- Ngày 11/7/2014, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: Cướp giật tài sản (tại bản án số: 410/2014/HSST) . Ngày 22/9/2014, Toà án nhân dân tỉnh Đ, xét xử phúc thẩm, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: Cướp giật tài sản (tại bản án số: 301/2014/HSPT). Ngày 18/7/2015, chấp xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo tạm giam từ ngày 05/12/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Quyết Ngọc Đình Tr;** Tên gọi khác: Tr còi; Sinh ngày 21/5/1985, tại: Tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ: 6/12; Con ông: Quyết Ngọc Q, sinh năm: 1954, trú tại: huyện T, tỉnh Phú Thọ; Con bà: Đình Thị S, sinh năm: 1956; vợ là: Trịnh Thị Y, sinh năm: 1985 và một con sinh năm 2017, hiện trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Tiền án: 02;

- Ngày 07/9/2006, bị Toà án nhân dân thành phố Đ xử phạt 18 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”; 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Hình phạt chung cho cả 02 tội bị cáo Tr phải chấp hành là 5 năm 6 tháng tù (tại bản án số: 84/2006/HSST). Ngày 22/01/2007, bị Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đ xét xử phúc thẩm, xử phạt 18 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”; 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Hình phạt chung cho cả 02 tội bị cáo Tr phải chấp hành là 5 năm 6 tháng tù (tại bản án số: 219/2007/HSPT). Ngày 30/4/2010, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú.

- Ngày 30/12/2013, bị Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam, về tội: Trộm cắp tài sản (tại bản án số: 68/2013/HSST). Ngày 25/11/2014, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/12/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Đậu Văn H;** Tên gọi khác: Đ; Sinh ngày 22/4/1994, tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở trước khi phạm tội: đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa : 7/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Đậu Văn Q, sinh năm: 1959 và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1963, hiện đều trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Ngày 13/8/2012, bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 tháng 7 ngày tù giam, về tội: “Trộm cắp tài sản”, được trả tự do tại phiên tòa (tại bản án số 57/2012/HSST). Bị cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo tạm giam từ ngày 31/12/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Dương Công Ch;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/6/1992, tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở trước khi phạm tội: đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông: Dương Thành L, sinh năm: 1962 và bà: Mai Thị Mỹ H, sinh năm: 1972, hiện đều trú tại: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: 03;

- Ngày 15/6/2011, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm tù, về tội: “Giao cầu với trẻ em” (tại bản án số: 334/2011/HSST). Ngày 10/3/2012, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xóa án tích.

- Ngày 28/9/2012, bị Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam, về tội: “Trộm cắp tài sản” (tại bản án số: 58/2012/HSST). Ngày 26/10/2013, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xóa án tích.

- Ngày 28/3/2014, bị Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 03 (Ba) năm tù giam, về tội: “Trộm cắp tài sản” (tại bản án số: 18/2014/HSST). Ngày 01/10/2016, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương nơi cư trú. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo tạm giam ngày 11/6/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo hồ sơ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Do cần có tiền tiêu xài cá nhân và mua chất ma túy sử dụng nên Nguyễn Quốc H đã hứa hẹn trước với Đậu Văn H, Dương Công Ch và Võ Đức H là sẽ mua xe có nguồn gốc do Văn H, Đức H, C phạm tội mà có. Trước đó, Hùng biết rõ Võ Đức H thường xuyên mua xe mô tô do đồng bọn của Hạnh trộm cắp mà có nên H hẹn gặp bàn bạc và thỏa thuận với Đức H nếu có xe mô tô trộm cắp thì Đức H điện thoại thông báo đòi xe, đặc điểm xe, tình trạng xe hoặc chụp hình ảnh gửi qua mạng xã hội Zalo để H xem xe, báo giá và trao đổi mua bán với Đức H. Sau đó, Đức H bàn với Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr cùng đối tượng tên T (chưa xác định nhân thân lai lịch) là đã có chỗ tiêu thụ xe, nếu ai lấy trộm được xe thì thông báo hoặc đưa về cho Đức H bán. Sau khi đã thống nhất, cả bọn rủ nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện là vạm phá khóa, dùng xe mô tô chạy trên các con đường tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, quan sát tìm sơ hở của người dân trong việc quản lý tài sản là xe mô tô, lén lút dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện trộm cắp xe mô tô. Trong năm 2016, cả bọn đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 22h ngày 05/11/2016, Dương Công Ch, sinh năm: 1992, HKTT: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, điều khiển xe mô tô Yamaha, Sirius, màu trắng (chưa xác định biển kiểm soát) chở Nguyễn Tuấn H chạy từ hướng Cầu M thuộc xã H, thành phố B về trung tâm thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thấy anh Đỗ Thành V, sinh năm: 1991, Trú tại: đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đang điều khiển chiếc xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát: 47P1-123.41, màu trắng, số máy: JF58E0301875, số khung: RLHJF580XEY416098 bị say rượu, té ngã xe xuống đường tại trước Trường tiểu học Trần Cao V, ở địa chỉ: Võ Văn K, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ch và Tuấn H rủ nhau lấy trộm chiếc xe mô tô

của anh V. Lúc này, Chính dừng xe lại trên phía đầu xe, cách vị trí chiếc xe mô tô Honda Vision khoảng 03 mét, còn Tuấn H xuống xe đi đến chỗ anh V và giả vờ hỏi “Anh có sao không, cần giúp đỡ không” thì anh V trả lời “Không cần đâu”. Anh V đi đến lề đường, ngồi xuống, tay chống xuống đất cúi mặt ối vào bụi cây, lưng quay ra phía Tuấn H và Ch đang đứng, cách khoảng 04 mét. Tuấn H quan sát thấy anh V không để ý, không có người xung quanh, Tuấn H đi đến trèo lên chiếc xe mô tô của anh V, dùng tay phải cầm chìa mở ổ khóa điện, lên ga cùng Ch tẩu thoát chạy đến trung tâm thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, Ch và Tuấn H gặp và bán chiếc xe mô tô nói trên cho Nguyễn Quốc H được số tiền 7.500.000 đồng, nhưng H đưa trước cho Tuấn H 4.000.000 đồng, số tiền này Tuấn H và Ch chia nhau mỗi người được 2.000.000 đồng, tiêu xài hết. Sau đó, H tháo biển kiểm soát: 47P1-123.41 vứt bỏ (Cơ quan Điều tra không xác định được để tạm giữ) và mua một biển kiểm soát số: 59T1-775.18 của một người thanh niên tên T (chưa xác định nhân thân lai lịch) gắn vào chiếc xe và bán lại chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979, trú tại: Nơ Trang G, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được số tiền là 9.000.000 đồng, đã tiêu xài hết.

Ngày 23/02/2017, chị Nguyễn Thị H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô Honda Vision cùng biển kiểm soát: 59T1-775.18 trên là vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột.

Sau khi gây án, Dương Công Ch bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 11/6/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã bắt được Chính tại địa chỉ: Đường S, phường H, quận L, thành phố Đ, theo quyết định truy nã.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01/KLĐG ngày 03/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát: 47P1-123.41, màu trắng, trị giá: 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Vụ thứ 2: Vào khoảng 17h ngày 13/11/2016, từ địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Võ Đức H Điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade (chưa xác định biển kiểm soát) màu đen chở Nguyễn Tuấn H ngồi phía sau chạy đến nhà nghỉ V tại đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để tìm bạn nhưng không thấy. Sau đó, Đức H chở Tuấn H chạy vòng đi ra cổng sau của nhà nghỉ ra ngoài, khi đi ngang qua một căn nhà tại địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện thấy trước sân nhà có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát: 47B1-516.12, màu bạc đen, của anh Lê Lộc T, không có người trông coi. Thấy vậy, Tuấn H nói Đức H dừng xe lại, Tuấn H xuống xe đi bộ vào phía trong nhà lén lút lấy trộm một chìa khóa xe trong một chiếc mũ bảo hiểm, để trên cái bàn ủi đồ, sát vách tường tại phòng bếp đi ra mở ổ khóa điện, trèo lên xe mô tô của anh T, nổ máy tẩu thoát. Đức H và Tuấn H mỗi người điều khiển một chiếc xe chạy về nhà của Đức H. Tại đây, Tuấn H mở khóa cốp yên xe ra thấy có một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên mang tên Lê Hồng K, địa chỉ: phường K, thành

phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Hà thống nhất bán chiếc xe mô tô trên cho Đức H với số tiền là 6.000.000 đồng. Đức H đưa cho Hà 3.500.000 đồng, còn Đức H giữ lại chiếc xe. Sau đó, Đức H đã chụp hình kiểu dáng, tình trạng, loại xe và năm sản xuất chiếc xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát: 47B1-516.12 trên, gửi qua trang mạng Zalo cho Nguyễn Quốc H thì Hùng đồng ý mua xe giá 5.500.000 đồng, nhưng chưa đưa tiền và nhận xe. H bảo Đức H cất giữ xe này, khi cần để lấy. Khoảng 02 ngày sau, Đức H đã tự ý đưa chiếc xe cùng giấy tờ xe trên cho anh Nguyễn Hữu P ở tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đem đến cầm cho chị Trần Thị Thu H, ở Tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được số tiền : 8.000.000 đồng, số tiền này Đức H đã tiêu xài hết.

Ngày 02/12/2016, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát: 47B1-516.12 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên là vật chứng của vụ án, do chị Trần Thị Thu H tự nguyện giao nộp.

Tại kết luận định giá tài sản số: 258/KLĐG ngày 05/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát: 47B1-516.12, màu bạc đen, trị giá: 10.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 11h ngày 15/11/2016, Quyết Ngọc Đình Tr đi xe buýt một mình từ thị xã B, tỉnh Đắk Lắk về nhà tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 12h cùng ngày, khi đi ngang qua xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì Tr xuống xe đi bộ một mình ngang qua căn nhà của ông Trần Văn S, tại địa chỉ: thôn S, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47M9-3326, màu đen xám bạc, số máy: 5C62061480, số khung: 5C6207Y061480 của anh Văn Q ở Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để trong sân nhà ông S, không có người trông coi nên Tr đi bộ đến chiếc xe lên lút dùng tay tháo rất dây điện cắm ổ khóa điện ra, trèo lên xe, nổ máy tẩu thoát chạy đến quán cà phê tại địa chỉ số: Nguyễn An N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gặp và bán chiếc xe trên cho Võ Đức H được 2.000.000 đồng, số tiền này Tr đã tiêu xài hết. Đức H khai đã bán lại chiếc xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47M9-3326 cho bị cáo Nguyễn Quốc H, số tiền là 2.000.000 đồng nhưng Nguyễn Quốc H không thừa nhận mua xe nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được để thu giữ chiếc xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47M9-3326.

Tại kết luận định giá tài sản số: 47/KLĐG ngày 23/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47M9-3326, màu đen xám bạc, trị giá: 7.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 16h ngày 16/11/2016, Nguyễn Tuấn H gặp bạn tên T (Chưa xác định nhân thân lai lịch) tại khu vực Cây xăng đường Đ, thành phố B, tỉnh

Đắk Lắk, tại đây Tuấn H và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản là xe mô tô để bán kiếm tiền. Trước khi đi, T có đem theo trên người một vạm phá khóa. Sau đó, Tuấn H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 47E1-275.15, màu xám chở T ngồi phía sau chạy quanh trên các con đường. Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, khi Tuấn H chở T chạy ngang qua một xưởng cơ khí tại địa chỉ: Mai Thị L, tổ dân phố H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện thấy trên sân, trong khuôn viên xưởng có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 75K1-7665, màu đỏ của anh Trần Thanh B ở Xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, không có người trông coi. Thấy vậy, Tuấn H dừng xe lại nổ máy đứng ngoài cảnh giới còn T xuống xe đi bộ vào bên trong xưởng Cơ khí lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô của anh B, nổ máy tẩu thoát. Tuấn H và T mỗi người điều khiển một xe chạy thẳng về quán cà phê của Võ Đức H, tại địa chỉ: Nguyễn An N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, gặp và bán chiếc xe trên cho Đức H được số tiền là 2.500.000 đồng, số tiền này Tèo trực tiếp cất giữ, chia cho Hà 500.000 đồng. Đức H đã chụp và gửi hình chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 75K1-7665 trên cho Nguyễn Quốc H xem, H đồng ý mua và đưa cho Đức H số tiền là 3.000.000 đồng nhưng H chưa lấy xe mà nhờ Đức H cất giấu xe khi cần sẽ lấy. Sau đó, Hạnh tự ý đưa chiếc xe trên cho Nguyễn Hữu P, ở tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đem đến cầm cho chị Trần Thị Thu H, được 3.500.000 đồng. Số tiền này Đức H đã tiêu xài hết.

Ngày 02/12/2016, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã thu giữ chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát: 75K1-7665 là vật chứng của vụ án, do chị Trần Thị Thu H tự nguyện giao nộp.

Tại kết luận định giá tài sản số: 258/KLĐG ngày 05/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát: 75K1-7665, trị giá: 3.700.000 đồng.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 16 giờ ngày 18/11/2016, đối tượng tên S (Chưa xác định nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius (chưa xác định biển kiểm soát) chở bị cáo Đậu Văn H đi từ phòng thuê trọ tại địa chỉ: đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chạy ngang qua khu vực rẫy cà phê thuộc Buôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát: 47B2-074.30, của chị H'N Bkrông ở Buôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đang dựng không có người trông coi. Thấy vậy, S dừng xe lại, đứng ngoài cảnh giới, còn Văn H xuống xe đi đến dùng tay phải cầm vạm phá khóa, phá ổ khóa điện, nổ máy xe mô tô của chị H'N Bkrông, tẩu thoát đến một khu vực rẫy vắng người (chưa xác định địa điểm) tháo biển kiểm soát: 47B1-074.30 ra vứt bỏ (Cơ quan Điều tra chưa xác định được để tạm giữ) và gắn một biển kiểm soát khác (chưa xác định) vào xe. Văn H Điều khiển xe mô tô trên về phòng thuê trọ tại địa chỉ: đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Văn H khai là S một mình đem chiếc xe trên đi bán cho bị cáo Nguyễn Quốc H được 5.000.000 đồng nhưng bị cáo Nguyễn Quốc H không thừa nhận đã mua xe, Cơ quan Điều tra chưa xác

định để tạm giữ. Số tiền này, S lấy 2.000.000 đồng, còn Văn H lấy 3.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 02/KLĐG ngày 03/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát: 47B2-074.30, số máy: 5C6K313852, số khung: C6K0GY313854; trị giá: 16.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Vào khoảng 09h ngày 24/11/2016, đối tượng tên S (chưa xác định nhân thân lai lịch) Điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen (chưa xác định biển kiểm soát) chở bị cáo Đậu Văn H đi từ phòng thuê trọ tại địa chỉ: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chạy ngang qua nhà bà Trần Thị Hồng L ở thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu bạc đen, biển kiểm soát: 47B1-577.12 của bà L đang dựng trên sân, bên cạnh căn nhà, trên ổ khóa điện có cắm chìa khóa, không có người trông coi. Thấy vậy, S dừng xe lại, đứng ngoài cảnh giới, Văn H xuống xe đi đến dùng tay phải cầm chìa, mở ổ khóa điện xe, nổ máy chạy đến khu vực nghĩa địa thuộc Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, dừng xe lại tháo biển kiểm soát vứt bỏ (Cơ quan Điều tra không xác định được để tạm giữ) và thay vào một biển kiểm soát khác (chưa xác định), mở cốp yên xe ra kiểm tra thấy bên trong cốp xe có để đồ vật gồm: 01 chùm chìa khóa có 04 chiếc chìa khóa, 01 đôi bao tay màu đỏ, 01 đôi tất chân màu xám, 01 chiếc khăn bọt mặt, 01 quần Tây màu đen, 01 cuốn truyện tranh, 01 giấy phép lái xe mô tô đã bị cắt góc mang tên Phan Nhật T, là tài sản của bà L thì Văn H và S đã vứt bỏ tại đây. Sau đó, S và Văn H đem chiếc xe trên đến gặp và bán cho Nguyễn Quốc H được 4.700.000 đồng. S lấy số tiền 2.000.000 đồng, đưa Văn H số tiền 2.700.000 đồng và tiêu xài hết, nhưng bị cáo H không thừa nhận mua xe nên Cơ quan Điều tra chưa xác định được để thu giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐG ngày 03/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu bạc đen, biển kiểm soát: 47B1-577.12, trị giá: 10.500.000 đồng.

Vụ thứ 7: Vào khoảng 10 giờ ngày 25/11/2016, Quyết Ngọc Đình Tr đi xe buýt từ nhà tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông đến Trung tâm thành phố B để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi Tr đi bộ một mình ngang qua căn nhà tại địa chỉ: đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47B1-126.15 của anh Nguyễn Thái Quang H ở đường Phùng Chí K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, dựng trên vỉa hè, có cắm chìa khóa trên ổ khóa điện, không có người trông coi. Lúc này, Tr đi bộ đến chiếc xe lén lút dùng tay phải cầm chìa mở ổ khóa điện ra, trèo lên xe mô tô của anh H, nổ máy chạy đến quán cà phê tại địa chỉ đường Nguyễn An N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, gặp và bán xe cho Võ Đức H, được số tiền là 3.000.000 đồng đã tiêu xài hết. Sau đó, Đức H đã bán lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu

Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47B1-126.15 cho Nguyễn Quốc H lấy số tiền là 3.000.000 đồng. H đem xe về nhà tại Buôn R, thị trấn Buôn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cất giấu. Đến một ngày cuối tháng 11/ 2016, Nguyễn Quốc H đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47B1-126.15 đặc điểm nêu trên cho anh Trần Đình H, ở Buôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được số tiền là 4.500.000 đồng. Số tiền này bị cáo Nguyễn Quốc H, đã tiêu xài hết.

Ngày 04/12/2016, anh Trần Đình H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47B1-126.15 trên là vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột và không yêu cầu Nguyễn Quốc H bồi thường số tiền 4.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 263/KLĐG ngày 06/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01(Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 47B1-126.15, trị giá: 10.200.000 đồng.

Vụ thứ 8: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/11/2016, đối tượng tên S (chưa xác định nhân thân lai lịch) Điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen (chưa xác định biển kiểm soát) chở bị cáo Đậu Văn H đi từ phòng thuê trọ tại địa chỉ đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chạy ngang qua căn nhà tại địa chỉ đường Nguyễn Chí T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thấy trên vỉa hè có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát: 36B2-766.41, của anh Nguyễn Bá T, không có người trông coi. Thấy vậy, S dừng xe lại, đứng ngoài cảnh giới, còn Văn H xuống xe đi bộ đến chiếc xe dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện, nổ máy chạy đến khu vực rẫy cà phê thuộc xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì dừng lại, tháo biển kiểm soát: 36B2-766.41 ra vứt bỏ tại đây và gắn một biển kiểm soát khác (chưa xác định) vào xe đem về phòng trọ tại địa chỉ đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cất giấu, rồi Văn H điện thoại hẹn Nguyễn Quốc H đến phòng trọ xem xe và bán chiếc xe trên cho H được số tiền là 3.000.000 đồng nhưng H chưa lấy xe. Văn H và S chia nhau mỗi người được 1.500.000 đồng tiêu xài hết số tiền này. H khai sau đó S đem xe trên đi khỏi phòng trọ, Cơ quan Điều tra chưa xác định được để thu giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 03/KLĐG ngày 03/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát: 36B2-766.41, trị giá: 10.500.000 đồng.

Vụ thứ 9: Vào khoảng tháng 11/2016, Quyết Ngọc Đình Tr đi xe buýt từ nhà tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông đến Trung tâm thành phố B để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11h cùng ngày, Tr đi bộ một mình ngang qua căn nhà tại địa chỉ đường Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 47B1-263.44, màu đen bạc, dựng trên vỉa hè, có cắm chìa khóa trên ổ khóa điện của anh Thái Phi V, ở đường Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, không có người trông coi. Lúc này, Tr

đi bộ đến chiếc xe của anh V lên lút dùng tay phải cầm chìa mở ổ khóa điện ra, nổ máy chạy đến quán cà phê tại địa chỉ đường Nguyễn An N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, gặp và bán xe cho Võ Đức H, được số tiền là 6.000.000 đồng, Tr đã tiêu xài hết. Đức H khai đã bán lại chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 47B1-263.44 cho Nguyễn Quốc H lấy số tiền là 6.500.000 đồng nhưng Nguyễn Quốc H không thừa nhận đã mua chiếc xe mô tô trên, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không xác định được để thu giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 48/KLĐG ngày 24/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 47B1-263.44, màu đen bạc trị giá: 10.500.000 đồng.

Vụ thứ 10: Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 03/12/2016, đối tượng tên S (chưa xác định nhân thân lai lịch) Điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen (chưa xác định biển kiểm soát) chở Đậu Văn H đi từ phòng thuê trọ tại địa chỉ đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chạy ngang qua khu vực rẫy thuộc xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nhìn thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát : 47B1-909.22, của ông Trần Minh S, đang dừng, không có người trông coi. Thấy vậy, S dừng xe lại, đứng ngoài cảnh giới, còn Văn H xuống xe đi đến dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện, nổ máy chạy đến một khu vực đất rẫy (chưa xác định địa điểm) dừng lại tháo biển kiểm soát: 47B1-909.22 ra vứt bỏ (Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xác định để tạm giữ) và gắn một biển kiểm soát khác (chưa xác định) vào. Văn H điều khiển chiếc xe mô tô trên về phòng trọ đang thuê cất giấu. Sau đó, S đem chiếc xe trên đi bán cho người khác (chưa xác định được địa chỉ) được số tiền là 5.300.000 đồng, S đưa Văn H số tiền 3.000.000 đồng đã tiêu xài hết. Cơ quan Điều tra chưa xác định được người mua để tạm giữ chiếc xe mô tô biển số: 47B1 - 909.22, là vật chứng của vụ án.

Tại kết luận định giá tài sản số: 19/KLĐG ngày 17/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát: 47B1- 909.22, trị giá: 12.500.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Võ Đức H, Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr, Đậu Văn H và Dương Công Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 06 (sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Đức H 06 (sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Quyết Ngọc Đình Tr 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/12/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đậu Văn H 05 (Năm) năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2016.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Dương Công Ch 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/6/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

- Ngày 29/9/2017, bị cáo Đậu Văn H làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 04/10/2017, bị cáo Nguyễn Quốc H làm đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 BLHS là không phù hợp với tội danh của bị cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử đúng với tội danh mà bị cáo vi phạm; bị cáo Dương Công Ch làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 02/10/2017, các bị cáo Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử các bị cáo Nguyễn Quốc H, Võ Đức Hạnh, Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr, Đậu Văn H và Dương Công Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức tù giam mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo H, Tr, Văn H, Ch không cung cấp gì thêm về tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo Đức H có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, gia đình của bị cáo có công với cách mạng. Nhưng hành vi của bị cáo Đức H là người trực tiếp bàn bạc hứa hẹn với bị cáo H trước. Sau khi đồng bọn trộm cắp được xe mô tô bán cho Đức H, Đức H bán cho H, việc Đức H mua bán tài sản do đồng bọn trộm cắp mà có được hiện nhiều lần. Tuy áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 cho bị cáo, song mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra cho nên kháng cáo của bị cáo Đức H không có căn cứ được chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn H tại phiên tòa phúc thẩm cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bố bị cáo là người có công với cách mạng được thưởng huân huy chương, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và nộp số tiền truy thu. Đề nghị, Hội đồng xét áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để chấp nhận đơn kháng của bị cáo Tuấn H.

Việc bị cáo H cho rằng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, b, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 là không đúng. Nhưng qua các lời khai và bản tự khai của bị cáo H, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Bởi vì Hùng đã cùng Đức H bàn bạc về việc các bị cáo khác trộm được xe mô tô bán lại cho Đức H, Đức H bán lại cho H, H bán lại cho người khác để kiếm lời. Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nhiều lần với số tiền lớn, do đó việc truy tố, xét xử bị cáo H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr, Đậu Văn H và Dương Công Ch.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 BLTTHS, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Tuấn H. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2017/HSST ngày 27/9/2017 về phần hình phạt đối với Nguyễn Tuấn H.

- Áp dụng các điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 06 (sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Đức H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x Điều 51 BLHS 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Quyết Ngọc Đình Tr 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đậu Văn H 05 (Năm) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/12/2016.

- Áp dụng c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Dương Công Ch 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 11/6/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H không tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Quốc H và bị cáo Võ Đức H hứa hẹn trước, nếu các bị cáo Dương Công Ch, Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H trộm cắp được xe mô tô bán cho Đức H, Đức H sẽ bán cho H. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016 các bị cáo Dương Công Ch, Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H đã thực hiện trộm cắp được 10 chiếc xe mô tô bán cho Đức H, Đức H bán cho H, H bán cho người khác để thu lời bất chính.

[1] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Nguyễn Tuấn H, Võ Đức H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại Tòa án cấp sơ thẩm các bị cáo H, bị cáo Tr, bị cáo Văn H, bị cáo Ch không cung cấp gì thêm về tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với bị cáo Đức H có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, gia đình của bị cáo có công với cách mạng. Nhưng hành vi của bị cáo Đức H là người trực tiếp bàn bạc, thỏa thuận, hứa hẹn với bị cáo H trước, sau khi đồng bọn trộm cắp được xe mô tô bán cho Đức H, Đức H bán cho H, việc Đức H mua bán tài sản do đồng bọn trộm cắp mà có được hiện nhiều lần và bị cáo là người nghiện ma túy. Tuy áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 cho bị cáo, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Do vậy, việc bị cáo Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn H tại phiên tòa phúc thẩm có cung cấp thêm được tình tiết mới về việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bố bị cáo có công với cách mạng được thưởng huân huy chương, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và nộp số tiền truy thu. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo Tuấn H là người đã làm cầu nối cho bị cáo H gặp bị cáo Đức H bàn bạc thỏa thuận thống nhất, sau khi

đồng bọn trộm cắp được thì Đức H và H đem đi tiêu thụ để kiếm lời bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Tuấn H.

[5] Việc bị cáo Nguyễn Quốc H bị Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Bởi qua các lời khai và bản tự khai của bị cáo H, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, bị cáo H là người hứa hẹn trước, mua xe mô tô do các bị cáo Đức H, Tuấn H, Văn Học, Ch, Tr trong các vụ trộm cắp, và bán lại cho người khác để kiếm lời. Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội nhiều lần với số tiền lớn, cho nên việc truy tố, xét xử bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” thêm điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 209/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Võ Đức H, Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Võ Đức H, Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc H, bị cáo Dương Công Ch, Võ Đức H, Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 207/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt đối với các bị cáo.

- Áp dụng các điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 06 (sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999;

Xử phạt bị cáo Võ Đức H 06 (sáu) năm tù về “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/12/2016.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Quyết Ngọc Đình Tr 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/12/2016.

- Áp dụng a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đậu Văn H 05 (Năm) năm 06 tháng tù về “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/12/2016.

- Áp dụng c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Dương Công Ch 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 11/6/2017.

[2] Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Công Ch, Võ Đức H, Nguyễn Tuấn H, Quyết Ngọc Đình Tr và Đậu Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp.B;
- Cơ quan T.H.A HS Công an Tp.B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tùng

